TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST
Ngày 05/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn Q, sinh năm 1994 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký thường trú: Bản CT, xã TY, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Nơi thường xuyên sinh sống: Ấp A, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T, sinh năm 1971 và bà Lò Thị V, sinh năm 1975; gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con đầu; Vợ Tạ Thị Huyền T1, sinh năm 1999 và có một con chung sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt phiên tòa).

2. Nguyễn Quân K, sinh năm 1991 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã CD, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; Tạm trú tại: tổ 2, khu B, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992 và có một con chung sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Năng H, sinh năm 1997 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn LM, xã LS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; Tạm trú tại: Tổ 3, khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1971; gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1998 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm S, xã TT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; Tạm trú tại: Tổ 3, khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976; gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và có một con chung sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Bà Lưu Thị H3, sinh năm 1979. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu P, thị trấn LT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 6, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Huỳnh Thị Th1 sinh năm 1975. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã AP, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
+ Ông Bùi Chiến T, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 5, xã TA, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 12, xã LĐ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Võ Thị V, sinh năm 1956. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu PH, thị trấn LT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2021 Lò Văn Q rủ Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H phụ giúp Q trong việc cho một số người sinh sống tại huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vay tiền lấy lãi suất cao và được K, L và H đồng ý.

Q đưa cho K 25.000.000 đồng, L 25.000.000 đồng và H 30.000.000 đồng để thực hiện việc cho người dân vay tiền lấy lãi suất cao, đồng thời Q giao cho K, L và H 03 xe mô tô biển số 60C2-370.19, 66C1-469.15 và xe mô tô biển số 60C1-715.19 để làm phương tiện hoạt động cho vay. Hàng ngày, Q, K, L và H đi lòng vòng tìm kiếm người vay tiền nếu có người vay thì Q, K, L và H yêu cầu những người này dẫn về nhà nhằm biết nơi ở để thu tiền góp hàng ngày. Sau đó mỗi ngày Q trả công cho K, L và H mỗi người 150.000 đồng tiền công.

Quá trình điều tra xác định Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H đã thực hiện việc cho vay cụ thể như sau:

Lò Văn Q trực tiếp giao dịch cho vay gồm.

- Lưu Thị H3, sinh năm 1979 trú tại ấp HG, xã LA ,huyện Long Thành vay tiền của Q 06 lần (từ tháng 02/2021) mỗi lần vay 5.000.000 đồng. Số tiền chị H3 thực nhận từ Q mỗi lần vay là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 250.000 đồng và 250.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi của ngày vay đầu tiên); mỗi ngày chị H3 phải trả cho Q 250.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày. Như vậy tổng số tiền chị H3 phải trả là 6.000.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi cho mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chị H3 đã vay của Q là 30.000.000 đồng với lãi suất chị H3 phải trả là 300%/năm. Tổng số tiền Q thu lợi bất chính từ việc cho chị H3 vay tiền là 5.921.233 đồng.

2. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970 trú tại ấp B, xã LA, huyện Long Thanh vay tiền của Q 02 lần (từ tháng 3/2021) mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Số tiền chị H4 thực nhận từ Q mỗi lần vay là 9.000.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 500.000 đồng và 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của ngày vay đầu tiên); mỗi ngày chị H4 phải trả cho Q 500.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày. Như vậy tổng số tiền chị H4 phải trả là 12.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi cho mỗi lần vay. Tổng cộng số tiền chị H4 đã vay của Q là 20.000.000 đồng với lãi suất chị H4 phải trả là 300%/năm. Tổng số tiền Q thu lợi bất chính từ việc cho chị H4 vay tiền là 4.735.986 đồng.

Nguyễn Quân K cho những người sau vay tiền.

1. Lưu Thị H3 vay tiền của K 06 lần tại xã LA, huyện Long Thành (từ tháng 02/2021 cho đến ngày bị bắt) trong đó có 03 lần vay mỗi lần số tiền là 5.000.000 đồng và 03 lần vay mỗi lần số tiền 3.000.000 đồng. Đối với mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng thì chị H3 chỉ nhận từ K là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị H3 phải trả cho K 250.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày. Đối với mỗi lần vay 3.000.000 đồng thì chị H3 chỉ nhận là 2.700.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị H3 phải trả cho K 150.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày. Như vậy tổng số tiền chị H3 phải trả là 6.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi cho số tiền 5.000.000 đồng và 3.600.000 đồng cho số tiền vay 3.000.000 đồng. Tổng số tiền chị H3 đã vay của K là 24.000.000 đồng với lãi suất chị H3 phải trả là 300%/năm. Như vậy tổng số tiền K thu lợi bất chính từ việc cho chị H3 vay tiền là 3.789.589 đồng.

2. Nguyễn Thị H4, vay 5.000.000 đồng của K tại xã LA, huyện Long Thành (vào tháng 3/2021 cho đến ngày bị bắt) nhưng thực tế chị H4 chỉ nhận là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên) như vậy mỗi ngày chị H4 phải trả cho K 250.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày nên tổng số tiền chị H4 phải trả cho K là 6.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi với lãi suất là 300%/năm, K thu lợi bất chính từ việc cho chị H4 vay tiền là 1.184.247 đồng.

3. Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1985 trú tại khu P, thị trấn LT, huyện Long Thành vay tiền của K 05 lần (từ tháng 02/2021) mỗi lần vay số tiền là 10.000.000 đồng nhưng số tiền chị Th thực nhận từ K mỗi lần vay là 8.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe 500.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của ngày vay đầu tiên và ngày cuối cùng của chu kỳ vay). Như vậy mỗi ngày chị Th phải trả cho K số tiền 500.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) trong vòng 25 ngày. Tổng số tiền chị Th phải trả cho K là 12.500.000 đồng cả tiền gốc và lãi cho mỗi lần vay. Tổng cộng số tiền chị Th đã vay của K là 50.000.000 đồng với lãi suất chị Th phải trả là 360%/năm như vậy số tiền K thu lợi bất chính từ việc cho chị Th vay tiền là 11.452.056 đồng.

Nguyễn Thanh L trực tiếp giao dịch cho vay gồm:

1. Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1980 trú tại ấp 6, AP, Long Thành, Đồng Nai vay tiền của L 03 lần (từ tháng 02/2021) mỗi lần vay số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền chị T1 thực nhận từ L mỗi lần vay là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị T1 phải trả cho L số tiền 250.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 25 ngày. Tổng cộng số tiền chị T1 đã vay của L là 15.000.000 đồng với lãi suất chị T1 phải trả là 360%/năm. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho chị T1 vay tiền là 2.863.014 đồng.

2. Huỳnh Thị Th1, sinh năm 1975 trú tại Ấp 1, xã AP, huyện Long Thành vay tiền của L 03 lần (từ tháng 3/2021) mỗi lần vay số tiền là 3.000.000 đồng. Số

tiền chị Th1 thực nhận từ L mỗi lần vay là 2.700.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị Th1 phải trả cho L số tiền 150.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 24 ngày. Tổng cộng số tiền chị Th1 đã vay của L là 9.000.000 đồng với lãi suất chị Th1 phải trả là 360%/năm. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho chị Th1 vay tiền là 1.983.288 đồng.

3. Bùi Chiến T, sinh năm 1987 trú tại ấp 5, xã TA, huyện Long Thành vay tiền của L 03 lần (từ tháng 3/2021) mỗi lần vay số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền anh T thực nhận từ L mỗi lần vay là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày anh T phải trả cho L số tiền 250.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 25 ngày. Tổng số tiền anh T đã vay của L là 15.000.000 đồng với lãi suất phải trả là 360%/năm. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay tiền là 4.294.521 đồng.

4. Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 trú tại khu 12, xã LĐ, huyện Long Thành vay tiền của L 02 lần (từ tháng 4/2021) mỗi lần vay số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền chị M thực nhận từ L mỗi lần vay là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị M phải trả cho L số tiền 250.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 25 ngày. Tổng cộng số tiền M đã vay của L là 10.000.000 đồng với lãi suất phải trả là 360%/năm. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho M vay tiền là 1.431.507 đồng.

5. Võ Thị V, sinh năm 1956 trú tại khu PH, thị trấn LT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vay tiền của L 02 lần (từ tháng 3/2021) mỗi lần vay số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền chị V thực nhận từ L mỗi lần vay là 4.500.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 250.000 đồng và 250.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị V phải trả cho L số tiền 250.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và trả trong vòng 25 ngày. Tổng cộng số tiền V đã vay của L là 10.000.000 đồng với lãi suất phải trả là 360%/năm. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc L cho V vay tiền là 1.431.507 đồng.

Bùi Năng H trực tiếp giao dịch cho vay gồm.

1. Trần Thị Diễm H5, sinh năm 1990 trú tại khu phố PK, thị trấn HP, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vay tiền của H 02 lần (từ tháng 3/2021) mỗi lần vay số tiền là 3.000.000 đồng. Số tiền chị H5 thực nhận từ H mỗi lần vay là 2.700.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày vay đầu tiên), mỗi ngày chị H5 phải trả cho H số tiền 150.000 đồng (bao gồm gốc và lãi) và trả trong vòng 21 ngày. Tổng số tiền H5 đã vay của H là 6.000.000 đồng với lãi suất phải trả là 86%/năm. Tổng số tiền H thu lợi bất chính từ việc H cho H5 vay tiền là 265.479 đồng.

2. Lê Thị P1, sinh năm 1986 trú tại ấp 2, xã LA, huyện Long Thành vay 3.000.000 đồng của H vào tháng 5/2021 nhưng thực tế chị P1 chỉ được nhận là 2.700.000 đồng (trừ tiền công, xăng xe đi lại 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền

gốc và lãi của ngày vay đầu tiên) như vậy mỗi ngày chị P1 phải trả cho H số tiền 150.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) trong vòng 25 ngày. Tuy nhiên việc cho vay của H bị phát hiện nên chưa phát sinh tiền thu lợi bất chính.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/5/2021 Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H đến nhà của chị Lưu Thị H3 ở ấp HG, xã LA huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để thu tiền cho vay thì bị Công an xã LA, phát hiện mời về làm việc thì Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H đã khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như nêu trên.

Tổng số tiền Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 39.086.948 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H còn khai cho chị Nguyễn Thị L1 và người có tên là V1, H1, L2, T2, L3, H2, S2 và P2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) vay tiền với lãi suất cao, nhưng quá trình điều tra, xác minh Nguyễn Thị L1 không có mặt tại nơi cư trú, V1, L2, chị T2, chị L3, chị H2, chị S và P (không rõ nhân thân, lai lịch nên không làm việc được). Ngoài lời khai của L và H thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Tổng số tiền Q, K, L và H sử dụng vào việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với những người vay nêu trên được xác định là 197.000.000 đồng.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Tạm giữ của Lò Văn Q 01 xe mô tô biển số 60C2-370.19, 01 xe mô tô biển số 66C1-469.15, 01 xe mô tô biển số 60C1-715.19, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, 01 chứng minh nhân dân ghi tên Lò Văn Q và số tiền 5.600.000 đồng; tạm giữ của Nguyễn Thanh L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 và số tiền 2.400.000 đồng; tạm giữ của Nguyễn Quân K 01 điện thoại hiệu Nokia, 01 chứng minh nhân ghi tên Nguyễn Quân K và 2.600.000 đồng ; tạm giữ của Bùi Năng H 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu ViVo và 01 chứng minh nhân dân ghi tên Bùi Năng H.

Về xử lý vậy chứng và tài sản tạm giữ Viện kiểm sát đề nghị:

Đối với 03 xe mô tô gồm xe mô biển số 60C2-370.19, xe mô tô biển số 66C1-469.15 và xe mô tô biển số 60C1-715.19 chưa xác minh làm việc được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia và số tiền 4.000.000 đồng (trong số tiền 5.600.000 đồng) thu giữ của Lò Văn Q, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 và số tiền 2.400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh L, 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Quân K và 01 điện thoại hiệu Nokia thu giữ của Bùi Năng H là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên đề nghị Tòa án tịch thu sung quỹ Nhà nước (vật chứng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành tiếp tục tạm giữ).

Đối với số tiền 1.600.000 đồng (trong số tiền 5.600.000 đồng) thu giữ của Q và số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Nguyễn Quân K quá trình điều tra xác

định số tiền trên là của chị Tạ Thị Huyền T (vợ Q) và của chị Nguyễn Ngọc H (vợ K) và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T và H.

Đối 03 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn Q, Nguyễn Quân K và Bùi Năng H cùng 01 điện thoại di động hiệu Vivo thu giữ của H xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho tên Lò Văn Q, Nguyễn Quân K và Bùi Năng H.

Về biện pháp tư pháp: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo Lò Văn Q, phải nộp lại số tiền 197.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước. Đồng thời buộc nộp lại số tiền 39.086.948 đồng là tiền thu lợi bất chính để trả lại cho: Lưu Thị H3 số tiền 9.710.822 đồng; Nguyễn Thị H4 5.920.233 đồng, Nguyễn Thị Phương Th 11.452.056 đồng, Nguyễn Thị Diễm T1 2.863.014, Huỳnh Thị Th1 1.983.288, Bùi Chiến T 4.294.521 đồng, Nguyễn Thị M 1.431.507 đồng, Võ Thị V 1.431.507 đồng.

Tại cáo trạng số 36/CT-VKS-LT ngày 10/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố các bị cáo Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thành Long và Bùi Năng H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1 Điều 5, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", đề nghị mức phạt đối với các bị cáo như sau:

- Xử phạt cáo Lò Văn Q mức án từ 100 triệu đến 120 triệu đồng.
- Xử phạt cáo Nguyễn Quân K mức án từ 60 triệu đến 80 triệu đồng.
- Xử phạt cáo Bùi Năng H mức án từ 60 triệu đến 80 triệu đồng.
- Xử phạt cáo Nguyễn Thanh L mức án từ 60triệu đến 80 triệu đồng.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, có thái độ ăn năn, hối cải.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Lò Văn Q: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Bị cáo Nguyễn Quân K: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Bị cáo Nguyễn Thành Long: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Bị cáo Bùi Năng H: Bị cáo cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về căn cứ định tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng chứng cứ được thu giữ trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 01/2021 Lò Văn Q vai trò chủ mưu, trực tiếp thực hành rủ rê Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H giúp sức cho Q hoạt động cho vay lãi nặng đối với một số người sinh sống tại huyện Long Thành và huyện Nhơn trạch, tỉnh Đồng Nai tất cả đồng ý. Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H đã sử dụng tổng cộng số tiền 197.000.000 đồng để cho vay gồm: Lưu Thị H3, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Phương Th, Nguyễn Thị Diễm T1, Huỳnh Thị Th1, Bùi Chiến T, Nguyễn Thị M, Võ Thị V, Trần Thị Diễm H5 và Lê Thị P1 với lãi suất cho vay từ 300%/năm đến 360%/năm (vượt gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Tổng số tiền Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 39.086.948 đồng.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thành Long và Bùi Năng H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo theo tội danh, khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trong nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong quản lý hoạt động tín dụng, xâm phạm đến quyền,

lợi ích hợp pháp của người vay tài sản.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lò Văn Q là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Nguyễn Quân K, Bùi Năng H và Nguyễn Thanh L thực hiện hành vi phạm tội và bản thân bị cáo Q cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, mức hình phạt của bị cáo Q phải cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải có mức án nghiêm để răn đe các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 xe mô tô gồm xe mô biển số 60C2-370.19, xe mô tô biển số 66C1-469.15 và xe mô tô biển số 60C1-715.19 chưa xác minh làm việc được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia và số tiền 4.000.000 đồng (trong số tiền 5.600.000 đồng) thu giữ của Lò Văn Q, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 và số tiền 2.400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh L, 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Quân K và 01 điện thoại hiệu Nokia thu giữ của Bùi Năng H là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng (trong số tiền 5.600.000 đồng) thu giữ của Q và số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Nguyễn Quân K quá trình điều tra xác định số tiền trên là của chị Tạ Thị Huyền T (vợ Q) và của chị Nguyễn Ngọc H (vợ K) và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T và H là phù hợp.

Đối 03 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn Q, Nguyễn Quân K và Bùi Năng H cùng 01 điện thoại di động hiệu Vivo thu giữ của H xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho tên Lò Văn Q, Nguyễn Quân K và Bùi Năng H là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lò Văn Q, phải nộp lại số tiền 197.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước. Đồng thời buộc nộp lại số tiền 39.086.948 đồng là tiền thu lợi bất chính để trả lại cho: Lưu Thị H3 số tiền 9.710.822 đồng; Nguyễn Thị H4 5.920.233 đồng, Nguyễn Thị Phương Th 11.452.056 đồng, Nguyễn Thị Diễm T1 2.863.014 đồng, Huỳnh Thị Th1 1.983.288 đồng, Bùi Chiến T 4.294.521 đồng, Nguyễn Thị M 1.431.507 đồng, Võ Thị V 1.431.507 đồng.

[7] Ngoài ra, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H còn khai cho chị Nguyễn Thị Lộc và người có tên là V1, H1, L1, T1, L2, H2, S và P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) vay tiền với lãi suất cao, nhưng quá trình điều tra, xác minh Nguyễn Thị L1 không có mặt tại nơi cư trú, V1, L1, chị T1, chị L2, chị H2, chị S và P (không rõ nhân thân, lai lịch nên không làm việc được). Ngoài lời khai của L và H thì không

có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Q: 100.000.0000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Quân K, Nguyễn Thanh L và Bùi Năng H mỗi bị cáo 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại hiệu Nokia và số tiền 4.000.000 đồng (trong số tiền 5.600.000 đồng) thu giữ của Lò Văn Q, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 và số tiền 2.400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh L, 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Quân K và 01 điện thoại hiệu Nokia thu giữ của Bùi Năng H là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

(Số tiền và vật chứng nêu trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/3/2022 và giấy nộp tiền ngày 11/3/2022 tại Kho bạc Nhà nước huyện Long Thành).

Buộc bị cáo Lò Văn Q, phải nộp lại số tiền 197.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước. Đồng thời buộc nộp lại số tiền 39.086.948 đồng là tiền thu lợi bất chính để trả lại cho: Lưu Thị H3 số tiền 9.710.822 đồng; Nguyễn Thị H4 5.920.233 đồng, Nguyễn Thị Phương Th 11.452.056 đồng, Nguyễn Thị Diễm T1 2.863.014, Huỳnh Thị Th1 1.983.288, Bùi Chiến T 4.294.521 đồng, Nguyễn Thị M 1.431.507 đồng, Võ Thị V 1.431.507 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Buộc các bị cáo Lò Văn Q, Nguyễn Quân K, Bùi Năng H và Nguyễn Thanh L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Quốc Hoàn